

Số: 981 /TCTK-PPCĐ
V/v xác định ngành đăng ký
kinh doanh

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2010

Kính gửi: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

Trả lời công văn của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh về xác định ngành nghề kinh doanh, Tổng cục Thống kê xin có ý kiến như sau:

- Căn cứ Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 (VSIC 2007) ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/1/2007 và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007;

- Căn cứ nguyên tắc xếp các hoạt động vào ngành kinh tế thuộc VSIC 2007; Các hoạt động theo Công văn của Quý cơ quan được sắp xếp như sau:

A. Đối với những ngành nghề cần chứng chỉ hành nghề:

I. Ngành, nghề mà pháp luật chỉ đòi hỏi Giám đốc (người đứng đầu cơ sở kinh doanh) phải có chứng chỉ hành nghề gồm:

1. Kinh doanh mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Điều 29 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002) thuộc các mã 46699: Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; mã 47749: Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (trong trường hợp không ủy quyền) (Đ.154 Luật Sở hữu trí tuệ; Đ.29 NĐ 103/NĐ-CP ngày 22/9/2006): Thuộc mã 69101: Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật

3. Dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (Điều 21 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2009) thuộc mã 69101: Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật

4. Dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân; (Thông tư 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế) - Thuộc mã 86: Hoạt động y tế

5. Dịch vụ khám chữa bệnh y học cổ truyền tư nhân; (Thông tư 07/2007/TT-BYT ngày 25/5/2007 của Bộ Y tế) – Thuộc mã 86 Hoạt động y tế

II. Ngành, nghề mà pháp luật đòi hỏi cả Giám đốc và người khác giữ chức vụ quản lý trong công ty phải có chứng chỉ hành nghề gồm:

1. Dịch vụ kiểm toán - 3 CCHN; (Đ.23 NĐ 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004): Thuộc mã 69200: Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế
2. Dịch vụ kế toán - 2 CCHN; (Đ.41 NĐ 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004; Đ.2 TT 72/2007/TT-BTC ngày 27/6/2007) : Thuộc mã 69200: Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế
3. Hành nghề luật sư - đối với văn phòng luật sư hoặc công ty luật (công ty Luật TNHH 1 thành viên; công ty Luật TNHH 2 thành viên; công ty Luật Hợp danh) (Điều 11, 32, 33, 34 Luật Luật sư 2006) thuộc mã 69101: Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật.

III. Ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu có chứng chỉ hành nghề của người giữ chức danh quản lý trong công ty gồm:

1. Dịch vụ thú y - 1 CCHN; (Điều 63 NĐ 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005): Thuộc mã 75000: Hoạt động thú y
2. Sản xuất, mua bán thuốc thú y; thú y thủy sản – 1 CCHN (Pháp lệnh Thú y): Sản xuất thuốc thú y, thú y thủy sản thuộc mã 21001: Sản xuất thuốc các loại; Mua bán thuốc thú y thuộc các mã 46492: Bán buôn dược phẩm; mã 47721: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; mã 47899: Bán lẻ hàng hóa khác chưa phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ; mã 479 Bán lẻ hình thức khác.
3. Giám sát thi công xây dựng công trình - 1 CCHN (Đ.87 Luật Xây dựng): Thuộc mã 71109: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác

4. Kỹ sư hoạt động xây dựng (Thông tư 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009) thuộc mã 71109: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác
5. Kiến trúc sư hoạt động xây dựng (Thông tư 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009) thuộc mã 71101: Hoạt động kiến trúc.
6. Khảo sát xây dựng - 1 CCHN; (Đ.49 Luật Xây dựng): Thuộc mã 71102: Hoạt động đo đạc, bản đồ và mã 71103: Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước
7. Thiết kế xây dựng công trình - 1 CCHN; (Đ.56 Luật Xây dựng) Thuộc mã 71101: Hoạt động kiến trúc
8. Hành nghề dược - 1 CCHN; (Đ.14 NĐ 79/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ): Sản xuất thuốc thuộc mã 21001: Sản xuất thuốc các loại; Mua bán thuốc thuộc các mã 46492: Bán buôn dược phẩm; mã 47721: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; mã 47899: Bán lẻ hàng hóa khác chưa phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ; mã 479 Bán lẻ hình thức khác.
9. Hành nghề vắc xin, sinh phẩm y tế tư nhân (Điều 4 Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân 2003) thuộc mã 21001: Sản xuất thuốc các loại.
10. Dịch vụ môi giới bất động sản - 1 CCHN (Đ.8 Luật KDBĐS): Thuộc mã 68200: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
11. Dịch vụ định giá bất động sản - 2 CCHN (Đ.8 Luật KDBĐS): Thuộc mã 68200: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
12. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - 2 CCHN môi giới bất động sản (nếu có Dịch vụ định giá bất động sản thì phải có 2 CCHN định giá bất động sản) (Đ.8 Luật KDBĐS) Thuộc mã 68200: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
13. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - 1 CCHN; (Quyết định 91/2002/QĐ-BNN ngày 11/10/2002 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT): Sản xuất, gia công thuốc bảo vệ thực vật thuộc mã 20210: Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp; Sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật thuộc các mã: 46691: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu, và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;

47721: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong ác cửa hàng chuyên doanh; mã 47899: Bán lẻ hàng hóa khác chưa phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ; mã 479 Bán lẻ hình thức khác.

14. Dịch vụ làm thủ tục về thuế - 2CCHN; (Điều 20 Luật Quản lý thuế): Thuộc mã 69200: Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế
15. Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải - 1 CCHN (Quyết định 38/2005/QĐ-BGTVT): Thuộc mã 71109: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.
16. Hoạt động xông hơi khử trùng - 1 CCHN (Đ.3 Quyết định 89/2007/QĐ-BNN ngày 1/11/2007 của Bộ NN&PTNT): Mã 016: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp
17. Dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - 1 CCHN (trong trường hợp có ủy quyền) (Đ.154 Luật Sở hữu trí tuệ): Thuộc mã 69101: Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật

B. Đối với những ngành nghề cần vốn pháp định trước khi đăng ký kinh doanh:

I. Tổ chức tín dụng (Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006): Thuộc mã 64190: Hoạt động trung gian tiền tệ khác

1. *Ngân hàng thương mại cổ phần*: 1000 tỷ đồng
2. *Chi nhánh ngân hàng nước ngoài*: 15 triệu USD

II. Quỹ tín dụng nhân dân (Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006): Thuộc mã 64190: Hoạt động trung gian tiền tệ khác

1. *Quỹ tín dụng nhân dân trung ương*: 1000 tỷ đồng
2. *Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở*: 0.1 tỷ đồng

III. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006): 649: Hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)

1. *Công ty tài chính*: 300 tỷ đồng: Thuộc mã 64920 – Hoạt động cấp tín dụng khác
2. *Công ty cho thuê tài chính*: 100 tỷ đồng: Thuộc mã 64910 – Hoạt động cho thuê tài chính

IV. Kinh doanh bất động sản: 6 tỷ đồng (Điều 3 NĐ 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007): Thuộc mã 68: Hoạt động kinh doanh bất động sản

V. Dịch vụ đòi nợ: 2 tỷ đồng (Điều 13 NĐ 104/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007): Thuộc mã 82910: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán tín dụng

VI. Dịch vụ bảo vệ: 2 tỷ đồng (không được kinh doanh các ngành, nghề và dịch vụ khác ngoài Dịch vụ bảo vệ) (NĐ 52/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008): Thuộc mã 80 – Hoạt động điều tra bảo đảm an toàn (bảo vệ cá nhân, tài sản : 80100; Lắp đặt máy móc bảo vệ: 80200; Điều tra, thám tử: 80300)

VII. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 5 tỷ đồng (Điều 3 NĐ 126/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007): Thuộc mã 78302: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài

VIII. Sản xuất phim: Doanh nghiệp phải có GCN đủ điều kiện kinh doanh do Cục Điện ảnh cấp trước khi ĐKKD (Điều 11 NĐ 96/2007/NĐ-CP ngày 6/6/2007): Thuộc mã 5911: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim Video và chương trình truyền hình

IX. Kinh doanh cảng hàng không: (Khoản 1 Điều 22 NĐ 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007): Thuộc các mã 52239: Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không và mã 52245: Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không.

1. *Kinh doanh tại cảng hàng không quốc tế*: 100 tỷ đồng
2. *Kinh doanh tại cảng hàng không nội địa*: 30 tỷ đồng

X. Cung cấp dịch vụ hàng không mà không phải là doanh nghiệp cảng hàng không: (Khoản 2 Điều 22 NĐ 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007): Thuộc mã 52231: Dịch vụ điều hành bay

1. Kinh doanh tại cảng hàng không quốc tế: 30 tỷ đồng

2. Kinh doanh tại cảng hàng không nội địa: 10 tỷ đồng

XI. Kinh doanh vận chuyển hàng không: (Khoản 1 Điều 8 NĐ 76/2007/NĐ-CP ngày 9/5/2007) Thuộc mã 51: Vận tải hàng không

1. Vận chuyển hàng không quốc tế:

- Khai thác từ 1 đến 10 tàu bay: 500 tỷ đồng

- Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 800 tỷ đồng

- Khai thác trên 30 tàu bay: 1000 tỷ đồng

2. Vận chuyển hàng không nội địa:

- Khai thác từ 1 đến 10 tàu bay: 200 tỷ đồng

- Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 400 tỷ đồng

- Khai thác trên 30 tàu bay: 500 tỷ đồng

XII. Kinh doanh hàng không chung: 50 tỷ đồng (Khoản 2 Điều 8 NĐ 76/2007/NĐ-CP ngày 9/5/2007) : Thuộc các mã có liên quan đến kinh doanh hàng không kể trên (bao gồm thêm cả mã 5229: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải).

Tổng cục Thống kê xin trả lời để Quý cơ quan thực hiện việc hướng dẫn đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Lưu: VT, PPCĐ.

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
VỤ PHƯƠNG CHÁI CHẾ ĐỘ TK VÀ CNTT**



Trần Văn Hưng